

Bản án số: 62/2023/HNGĐ-ST

Ngày 27/4/2023.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC, TỈNH THANH HÓA**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Cao Thị Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Thư.

Ông Trịnh Tiến Thanh

**Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Chuyên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 39/2023/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị D, sinh năm 1987. Có đơn xin xét xử vắng mặt

HKTT: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: Xóm C, thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1988. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 24/3/2023, bản tự khai ngày 01/4/2023 của nguyên đơn chị Bùi Thị D thể hiện như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H cấp năm 2009. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với bố mẹ chồng bình thường hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H ngoại tình với người phụ nữ khác, mặt khác bố mẹ chồng cho rằng chị không sinh được con trai, do đó chị đem con bỏ đi từ đó cho đến nay vợ chồng sống ly thân

không ai quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con: Chị và anh Nguyễn Văn H có 02 con chung là Nguyễn Phương A, sinh ngày 22/5/2010 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 14/12/2012. Nguyên vọng của chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Không có tài sản, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bản tự khai ngày 13/4/2023 của bị đơn anh Nguyễn Văn H thể hiện như sau:*

Về hôn nhân: Anh và chị D kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H cấp năm 2009. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 4 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xảy ra mâu thuẫn. Năm 2018 chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay vợ chồng sống ly thân, hai bên không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng dạn nứt. Tháng 12/2022 anh bị bắt về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, trong thời gian bị tạm giam chị D cũng không đến thăm nuôi, động viên anh, nay chị D làm đơn xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng cũng thực sự không còn nên đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị D được ly hôn. Do hiện nay anh đang tạm giam không thể đến Tòa án giải quyết được nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Về con: Anh và chị D có 02 con chung là Nguyễn Phương A, sinh ngày 22/5/2010 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 14/12/2012. Nguyên vọng của anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương A, nhưng vì anh đang bị bắt và tạm giam nên không thể trực tiếp nuôi con được, anh đồng ý giao cả hai con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con sau này anh sẽ có trách nhiệm với các con.

*Về tài sản và công nợ:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh tại Công an và UBND xã T ngày 10/4/2023 thể hiện: Chị D và anh H kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, gia đình nhà chồng đã hòa giải nhưng không được nên chị D đã bỏ về nhà ngoại ở từ năm 2018 cho đến nay, quá trình chung sống chị D và anh H có hai con chung hiện nay đang ở với chị D. Anh H hiện nay đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Thanh Hóa theo lệnh tạm tạm số 08/LTG-CSĐT ngày 23/12/2022 của Công an thành phố Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án, người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị D, cho chị D được ly hôn anh Nguyễn Văn Huy.

Về con: Giao cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Phương A và Nguyễn Anh T; anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Chị D và anh H không yêu cầu nên miễn xét.

Về án phí: Chị Bùi Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Bùi Thị D khởi kiện về việc ly hôn anh Nguyễn Văn H hiện nay cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị D và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã T, huyện H cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 2009, như vậy hôn nhân giữa chị D và anh H là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị D và anh H: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, nghi ngờ lẫn nhau trong chuyện tình cảm nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị D bỏ đi từ đó cho đến nay vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị được ly hôn anh H, anh H xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Dung và anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và hai bên đều đồng ý ly hôn. Do đó Tòa án xét xử cho chị D và anh H được ly hôn.

[3] Về con: Chị Bùi Thị D và anh Nguyễn Văn H có 02 con chung là Nguyễn Phương A, sinh ngày 22/5/2010 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 14/12/2012. Nguyên

vọng của chị Dg đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến của cháu Nguyễn Phương A nguyện vọng được ở với bố và anh H cũng có nguyện vọng nuôi cháu Phương A, nhưng do hiện nay anh đang bị bắt và tạm giam về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nên không thể trực tiếp nuôi con được, do đó anh đồng ý giao cả hai con cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con sau này anh sẽ có trách nhiệm với các con, do đó giao hai cháu Nguyễn Phương A và Nguyễn Anh T cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản và công nợ: Chị Bùi Thị D và anh Nguyễn Văn H đều xác định vợ chồng không có tài sản, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tố tụng: Chị D có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ vào Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải. Anh Nguyễn Văn H hiện nay đang bị tạm giam về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Chị Bùi Thị D và anh Nguyễn Văn H đều có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[7] Về án phí: Buộc chị Bùi Thị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

*Về hôn nhân:* Chị Bùi Thị D và anh Nguyễn Văn H được ly hôn.

*Về con:* Chị Bùi Thị D và anh Nguyễn Văn H có 02 con chung là Nguyễn Phương A, sinh ngày 22/5/2010 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 14/12/2012.

Giao cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Phương A và Nguyễn Anh T; anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, chị D và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở. Chị Bùi Thị D không yêu cầu anh Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản và công nợ:* Chị D và anh H không yêu cầu giải quyết.

*Án phí:* Chị Bùi Thị D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/0005222 ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc. (Chị D đã thi hành xong).

*Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn chị Bùi Thị D, bị đơn anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hậu Lộc;
- Chi cục THADS huyện Hậu Lộc;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
*(Đã ký)*

**Cao Thị Nga**